

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 56/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 24/7/2017

V/v “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đặng Ngọc Hương**

2. Ông **Huỳnh Dư**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Thủy** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa: Ông **Bùi Văn Khánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2017 về “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 6 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2017/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm S**, sinh năm: 1976

Địa chỉ: Thôn TS, xã CPĐ, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông **Phạm A**, sinh năm: 1976

Địa chỉ: Thôn TS, xã CPĐ, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Phạm S trình bày:* Bà Phạm S và ông Phạm A tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức cưới hỏi và Ủy ban nhân dân xã CPĐ, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 90, quyển số 01 ngày 26/11/2002.

Vợ chồng hạnh phúc một thời gian dài, đến giữa năm 2016 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông A có quan hệ với người phụ nữ khác. Mặc dù, bà S đã nhiều lần khuyên giải để đảm bảo hạnh phúc gia đình nhưng ông A không thay đổi, mà còn đánh đập vợ con. Từ đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế cũng như tinh thần của bà S. Bà S thấy cuộc sống chung của vợ chồng bà không thể hòa hợp. Vì vậy, bà S yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông A.

- Về con chung: Bà S và ông A có 02 con chung là: Phạm Trương D, sinh ngày: 18/4/1999 và Phạm Trương T, sinh ngày: 14/12/2000.

Cháu D đã thành niên nên bà S không yêu cầu giải quyết.

Bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C:*

- Về tố tụng:

Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 227 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt là vi phạm Điều 70, 72 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Phạm S có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C giải quyết việc hôn nhân gia đình giữa bà và ông Phạm A. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn ông Phạm A nhưng ông A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông A.

[2] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Phạm S và ông Phạm A tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức cưới hỏi và Ủy ban nhân dân xã CPĐ, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 90, quyển số 01 ngày 26/11/2002 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng bà S và ông A chung sống hạnh phúc được một thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông A có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, có hành vi bạo lực với bà S, gây ảnh hưởng đến đời sống kinh tế cũng như tinh thần của bà S. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông A đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng ông A không chấp hành, thể hiện thái độ thờ ơ, bỏ mặc cuộc sống hôn nhân của ông bà.

Xét thấy: mâu thuẫn giữa vợ chồng bà S và ông A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà S yêu cầu ly hôn với ông A là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà S.

- *Về con chung*: Bà S và ông A có 02 con chung là: Phạm Trương D, sinh ngày: 18/4/1999 và Phạm Trương T, sinh ngày: 14/12/2000.

Cháu D đã thành niên, bà S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với cháu T, bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng, giáo dục sau khi bố mẹ ly hôn là nhằm phát triển tốt cho con cả về mặt thể chất lẫn tinh thần. Cháu T có nguyện vọng được sống chung với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Do đó, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà S có cơ sở, phù hợp Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm S về việc không yêu cầu ông Phạm A cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Bà S và ông A tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] *Về án phí*:

Bà S phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về “Ly hôn”.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị Sen. Bà Phạm Thị Sen được ly hôn ông Phạm Thành An.

2. Về con chung:

Bà Phạm S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Phạm Trương T, sinh ngày: 14/12/2000.

Con chung Phạm Trương D, sinh ngày: 18/4/1999 đã thành niên, bà S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm S về việc không yêu cầu ông Phạm A cấp dưỡng nuôi con.

* Vì lợi ích của con, hai bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Bà Phạm S và ông Phạm A tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Bà Phạm S phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về “Ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0011633 ngày 24/4/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố C. Bà Phạm S đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm Hôn nhân gia đình.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p C;
- CCTHADS t.p C;
- UBND xã CPĐ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Công